

BD.23120 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 200 mm ĐẾN < 300 mm

Đơn vị tính: m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.2312	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 54 CV độ sâu khoan ≤50 m đường kính lỗ khoan từ 200 đến <300mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D132+01D190+01D295						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,020	0,020	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,050	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,070	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,100
		Cần khoan D 63,5 mm	m	0,010	0,013	0,026	0,034	0,038
		Đầu nối cần	bộ	0,002	0,003	0,006	0,008	0,009
		Đất sét	m ³	0,317	0,396	0,495	0,528	0,528
		Nước thi công	m ³	1,568	1,960	2,450	2,614	2,614
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,36	0,44	0,73	1,25	2,44
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 54 cv	ca	0,059	0,074	0,192	0,453	1,049
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,035	0,044	0,115	0,271	0,629
Máy bơm nước 2 kW	ca	0,021	0,026	0,069	0,163	0,377		
Máy khác	%	5	5	5	5	5		
				1	2	3	4	5

- BD.23200 KHOAN GIẾNG BẰNG MÁY KHOAN XOAY TỰ HÀNH 54CV
ĐỘ SÂU KHOAN TỪ 50 m ĐẾN ≤ 100 m
- BD.23210 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN < 200 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.2321	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 54 CV độ sâu khoan từ 50 đến ≤100 m đường kính lỗ khoan <200mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D132+01D190						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,020	0,020	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,050	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,070	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,100
		Cần khoan D 63,5 mm	m	0,011	0,014	0,027	0,035	0,040
		Đầu nối cần	bộ	0,002	0,003	0,007	0,009	0,010
		Đất sét	m ³	0,220	0,275	0,344	0,367	0,367
		Nước thi công	m ³	1,089	1,361	1,702	1,815	1,815
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,29	0,36	0,61	1,07	2,14
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 54 cv	ca	0,063	0,079	0,189	0,425	0,968
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,038	0,048	0,114	0,255	0,581
Máy bơm nước 2 kW	ca	0,022	0,028	0,068	0,153	0,348		
Máy khác	%	5	5	5	5	5		
				1	2	3	4	5

BD.23220 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 200 mm ĐẾN < 300 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.2322	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 54 CV độ sâu khoan từ 50 đến ≤100 m đường kính lỗ khoan từ 200 đến <300 mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D132+01D190+01D295						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,020	0,020	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,050	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,070	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,100
		Cần khoan D 63,5 mm	m	0,011	0,014	0,027	0,035	0,040
		Đầu nối cần	bộ	0,002	0,003	0,007	0,009	0,010
		Đất sét	m ³	0,317	0,396	0,495	0,528	0,528
		Nước thi công	m ³	1,568	1,960	2,450	2,614	2,614
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,39	0,48	0,83	1,46	2,95
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 54 cv	ca	0,075	0,094	0,241	0,561	1,320
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,045	0,056	0,145	0,337	0,792
Máy bơm nước 2 kW	ca	0,027	0,034	0,087	0,202	0,474		
Máy khác	%	5	5	5	5	5		
				1	2	3	4	5

- BD.23300 KHOAN GIẾNG BẰNG MÁY KHOAN XOAY TỰ HÀNH 54CV
ĐỘ SÂU KHOAN TỪ 100 m ĐẾN ≤ 150 m
- BD.23310 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN < 200 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.2331	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 54 CV độ sâu khoan từ 100 đến ≤150m đường kính lỗ khoan <200mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D132+01D190						
		Bộ choòng nón xoay- loại M	bộ	0,020	0,020	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay- loại C	bộ	-	-	0,050	-	-
		Bộ choòng nón xoay- loại T	bộ	-	-	-	0,070	-
		Bộ choòng nón xoay- loại K	bộ	-	-	-	-	0,100
		Cần khoan D 63,5 mm	m	0,011	0,014	0,028	0,037	0,041
		Đầu nối cần	bộ	0,003	0,004	0,007	0,009	0,010
		Đất sét	m ³	0,220	0,275	0,344	0,367	0,367
		Nước thi công	m ³	1,089	1,361	1,702	1,815	1,815
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,32	0,40	0,69	1,26	2,57
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 54 cv	ca	0,080	0,099	0,232	0,521	1,193
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,047	0,059	0,098	0,312	0,716
Máy bơm nước 2 kW	ca	0,029	0,036	0,083	0,187	0,428		
Máy khác	%	5	5	5	5	5		
				1	2	3	4	5

BD.23320 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 200 mm ĐẾN < 300 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.2332	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 54 CV độ sâu khoan từ 100 đến ≤150m đường kính lỗ khoan từ 200 đến <300 mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D132+01D190+01D295						
		Bộ choòng nón xoay- loại M	bộ	0,02	0,02	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay- loại C	bộ	-	-	0,05	-	-
		Bộ choòng nón xoay- loại T	bộ	-	-	-	0,070	-
		Bộ choòng nón xoay- loại K	bộ	-	-	-	-	0,100
		Cần khoan D 63,5 mm	m	0,011	0,014	0,028	0,037	0,041
		Đầu nối cần	bộ	0,003	0,004	0,007	0,009	0,010
		Đất sét	m ³	0,317	0,396	0,495	0,528	0,528
		Nước thi công	m ³	1,568	1,960	2,450	2,614	2,614
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,42	0,52	0,93	1,69	3,51
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 54 cv	ca	0,093	0,116	0,296	0,684	1,614
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,055	0,069	0,177	0,410	0,968
		Máy bơm nước 2 kW	ca	0,034	0,042	0,106	0,246	0,580
		Máy khác	%	5	5	5	5	5
				1	2	3	4	5

- BD.23400 KHOAN GIÉNG BẰNG MÁY KHOAN XOAY TỰ HÀNH 54CV
ĐỘ SÂU KHOAN TỪ 150 m ĐẾN ≤ 200 m
- BD.23410 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN < 200 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.2341	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 54 CV độ sâu khoan từ 150 đến ≤200 m đường kính lỗ khoan < 200 mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D132+01D190						
		Bộ choòng nón xoay- loại M	bộ	0,02	0,02	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay- loại C	bộ	-	-	0,05	-	-
		Bộ choòng nón xoay- loại T	bộ	-	-	-	0,070	-
		Bộ choòng nón xoay- loại K	bộ	-	-	-	-	0,100
		Cần khoan D 63,5 mm	m	0,012	0,015	0,029	0,039	0,043
		Đầu nối cần	bộ	0,003	0,004	0,007	0,010	0,011
		Đất sét	m ³	0,220	0,275	0,344	0,367	0,367
		Nước thi công	m ³	0,871	1,089	1,361	1,452	1,452
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,35	0,44	0,79	1,47	3,07
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 54 cv	ca	0,097	0,121	0,282	0,632	1,456
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,058	0,073	0,170	0,379	0,874
Máy bơm nước 2 kW	ca	0,035	0,044	0,101	0,227	0,523		
Máy khác	%	5	5	5	5	5		
				1	2	3	4	5

BD.23420 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 200 mm ĐẾN < 300 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.2342	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 54 CV độ sâu khoan từ 150 đến ≤ 200 m đường kính lỗ khoan từ 200 mm đến <300mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D132+01D190 +01D295						
		Bộ choòng nón xoay- loại M	bộ	0,02	0,02	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay- loại C	bộ	-	-	0,05	-	-
		Bộ choòng nón xoay- loại T	bộ	-	-	-	0,07	-
		Bộ choòng nón xoay- loại K	bộ	-	-	-	-	0,1
		Cần khoan D 63,5 mm	m	0,012	0,015	0,029	0,039	0,043
		Đầu nối cần	bộ	0,003	0,004	0,007	0,010	0,011
		Đất sét	m ³	0,317	0,396	0,495	0,528	0,528
		Nước thi công	m ³	1,568	1,960	2,450	2,614	2,614
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,46	0,58	1,05	1,96	4,17
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 54 cv	ca	0,114	0,142	0,358	0,827	1,960
Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,068	0,085	0,215	0,496	1,176		
Máy bơm nước 2 kW	ca	0,041	0,051	0,129	0,297	0,704		
Máy khác	%	5	5	5	5	5		
				1	2	3	4	5

KHOAN GIẾNG BẰNG MÁY KHOAN XOAY TỰ HÀNH 300CV

Thành phần công việc :

Chuẩn bị vật liệu, máy móc thiết bị, khoan giếng (khoan thuần túy) theo yêu cầu kỹ thuật. Trộn, cấp dung dịch ben tô nít trong quá trình khoan. Kiểm tra các điều kiện của hố khoan để thực hiện các bước tiếp theo trong quy trình khoan. Lấy mẫu và bảo quản mẫu theo yêu cầu kỹ thuật.

BD.24000 KHOAN GIẾNG BẰNG MÁY KHOAN XOAY TỰ HÀNH 300CV
ĐỘ SÂU KHOAN ≤ 50 m

BD.24100 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 300 mm ĐẾN < 400 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.241	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 300 CV độ sâu khoan ≤ 50m đường kính lỗ khoan từ 300 đến <400mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D310+01D390						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,015	0,015	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,038	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,053	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,075
		Cần khoan D 114 mm	m	0,010	0,013	0,026	0,034	0,038
		Đầu nối cần	bộ	0,002	0,003	0,006	0,008	0,009
		Sét bột Bentonít	kg	59,126	73,908	92,385	98,545	98,545
		Nước thi công	m ³	2,270	2,838	3,548	3,784	3,784
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,66	0,82	1,35	2,29	3,12
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 300 cv	ca	0,079	0,118	0,266	0,278	0,294
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,047	0,071	0,160	0,167	0,177
		Máy bơm nước 2 kW	ca	0,028	0,035	0,128	0,133	0,141
		Máy khác	%	2	2	2	2	2
				01	02	03	04	05

BD.24200 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 400 mm ĐẾN < 500 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.242	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 300 CV độ sâu khoan ≤ 50m đường kính lỗ khoan từ 400 đến <500mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D310+01D390+01D490						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,038	0,038	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,078	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,088	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,111
		Cần khoan D 114 mm	m	0,019	0,024	0,040	0,045	0,050
		Đầu nối cần	bộ	0,005	0,006	0,009	0,010	0,012
		Sét bột Bentonít	kg	74,580	93,225	116,532	124,300	124,300
		Nước thi công	m ³	2,864	3,580	4,475	4,773	4,773
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,80	1,00	1,64	2,79	3,81
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 300 cv	ca	0,083	0,124	0,279	0,372	0,403
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,049	0,074	0,167	0,222	0,241
		Máy bơm nước 2 kW	ca	0,030	0,037	0,144	0,167	0,206
		Máy khác	%	2	2	2	2	2
				01	02	03	04	05

BD.24300 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 500 mm ĐẾN < 600 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.243	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 300 CV độ sâu khoan ≤ 50m đường kính lỗ khoan từ 500 đến <600mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D310+01D390+01D490+01D590						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,058	0,058	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,114	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,120	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,144
		Cần khoan D 114 mm	m	0,027	0,034	0,053	0,056	0,062
		Đầu nối cần	bộ	0,006	0,008	0,011	0,012	0,015
		Sét bột Bentonít	kg	89,362	111,702	139,628	148,937	148,937
		Nước thi công	m ³	3,431	4,289	5,362	5,719	5,719
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	1,19	1,49	2,45	4,17	5,68
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 300 cv	ca	0,121	0,181	0,407	0,426	0,451
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,073	0,109	0,245	0,257	0,272
		Máy bơm nước 2 kW	ca	0,043	0,054	0,196	0,205	0,217
		Máy khác	%	2	2	2	2	2
				01	02	03	04	05

BD.24400 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 600 mm ĐẾN < 700 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.244	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 300 CV độ sâu khoan ≤ 50m đường kính lỗ khoan từ 600 đến <700mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D310+01D390+01D490+01D590+01D690						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,059	0,059	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,113	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,121	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,143
		Cần khoan D 114 mm	m	0,030	0,038	0,056	0,059	0,075
		Đầu nối cần	bộ	0,007	0,009	0,013	0,014	0,119
		Sét bột Bentonít	kg	104,815	131,019	163,774	174,693	174,693
		Nước thi công	m ³	4,025	5,031	6,289	6,708	6,708
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	1,39	1,74	2,85	4,85	6,61
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 300 cv	ca	0,134	0,201	0,453	0,473	0,497
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,081	0,121	0,272	0,285	0,299
		Máy bơm nước 2 kW	ca	0,048	0,060	0,229	0,240	0,252
		Máy khác	%	2	2	2	2	2
				01	02	03	04	05

BD.24500 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 700 mm ĐẾN < 800 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.245	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 300 CV độ sâu khoan ≤ 50m đường kính lỗ khoan từ 700 đến <800mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm:						
		01D310+01D390						
		+01D490+01D590						
		+01D690+01D790						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,060	0,060	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,110	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,120	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,140
		Cần khoan D 114 mm	m	0,033	0,041	0,059	0,062	0,089
		Đầu nối cần	bộ	0,008	0,010	0,014	0,015	0,222
		Sét bột Bentonít	kg	119,598	149,497	186,871	199,329	199,329
		Nước thi công	m ³	4,593	5,741	7,176	7,654	7,654
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	1,59	1,99	3,25	5,54	7,56
<i>Máy thi công</i>								
Máy khoan xoay 300 cv	ca	0,148	0,221	0,498	0,520	0,544		
Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,089	0,133	0,299	0,313	0,327		
Máy bơm nước 2 kW	ca	0,053	0,066	0,263	0,275	0,287		
Máy khác	%	2	2	2	2	2		
				01	02	03	04	05

BD.24600 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 800 mm ĐẾN < 900 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.246	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 300 CV độ sâu khoan ≤ 50m đường kính lỗ khoan từ 800 đến <900mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm:						
		01D310+01D390						
		+01D490+01D590						
		+01D690+01D790						
		+01D890						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,061	0,061	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,108	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,117	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,140
		Cần khoan D 114 mm	m	0,037	0,046	0,064	0,068	0,089
		Đầu nối cần	bộ	0,008	0,010	0,015	0,016	0,222
		Sét bột Bentonít	kg	134,547	168,184	210,229	224,245	224,245
		Nước thi công	m³	5,166	6,458	8,073	8,611	8,611
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	1,79	2,23	3,66	6,23	8,51
<i>Máy thi công</i>								
Máy khoan xoay 300 cv	ca	0,161	0,241	0,543	0,570	0,601		
Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,097	0,145	0,326	0,344	0,362		
Máy bơm nước 2 kW	ca	0,058	0,072	0,293	0,308	0,324		
Máy khác	%	2	2	2	2	2		
				01	02	03	04	05

BD.24700 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 900 mm ĐẾN < 1000 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.247	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 300 CV độ sâu khoan ≤ 50m đường kính lỗ khoan từ 900 đến <1000mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D310+01D390+01D490+01D590+01D690+01D790+01D890+01D990						
		Bộ choòng nón xoay- loại M	bộ	0,063	0,063	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay- loại C	bộ	-	-	0,109	-	-
		Bộ choòng nón xoay- loại T	bộ	-	-	-	0,118	-
		Bộ choòng nón xoay- loại K	bộ	-	-	-	-	0,143
		Cần khoan D 114 mm	m	0,040	0,050	0,069	0,073	0,089
		Đầu nối cần	bộ	0,008	0,010	0,016	0,017	0,222
		Sét bột Bentonít	kg	149,497	186,871	233,588	249,161	249,161
		Nước thi công	m³	5,741	7,176	8,970	9,568	9,568
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	1,99	2,48	4,07	6,93	9,45
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 300 cv	ca	0,175	0,262	0,590	0,623	0,662
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,105	0,157	0,353	0,373	0,396
		Máy bơm nước 2 kW	ca	0,062	0,078	0,323	0,341	0,362
		Máy khác	%	2	2	2	2	2
				01	02	03	04	05

BD.25000 KHOAN GIẾNG BẰNG MÁY KHOAN XOAY TỰ HÀNH 300CV
ĐỘ SÂU KHOAN TỪ 50 m ĐẾN ≤ 100 m

BD.25100 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 300 mm ĐẾN < 400 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.251	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 300 CV độ sâu khoan từ 50 đến ≤ 100 m đường kính lỗ khoan từ 300 đến <400mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D310+01D390						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,018	0,018	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,046	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,065	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,092
		Cần khoan D 114 mm	m	0,013	0,016	0,032	0,042	0,047
		Đầu nối cần	bộ	0,003	0,004	0,008	0,010	0,012
		Sét bột Bentonít	kg	59,126	73,908	92,385	98,545	98,545
		Nước thi công	m ³	2,799	3,499	4,374	4,666	4,666
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,50	0,63	1,03	1,76	2,40
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 300 cv	ca	0,055	0,068	0,185	0,439	0,462
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,033	0,041	0,111	0,264	0,277
		Máy bơm nước 2 kW	ca	0,020	0,025	0,066	0,111	0,166
		Máy khác	%	2	2	2	2	2
				01	02	03	04	05

BD.25200 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 400 mm ĐẾN < 500 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.252	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 300 CV độ sâu khoan từ 50 đến ≤ 100 m đường kính lỗ khoan từ 400 đến <500mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D310+01D390 +01D490						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,046	0,046	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,096	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,108	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,136
		Cần khoan D 114 mm	m	0,023	0,029	0,049	0,056	0,062
		Đầu nối cần	bộ	0,006	0,007	0,011	0,013	0,015
		Sét bột Bentonít	kg	74,580	93,225	116,532	124,300	124,300
		Nước thi công	m³	3,531	4,414	5,517	5,885	5,885
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,99	1,23	2,02	3,44	4,70
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 300 cv	ca	0,102	0,153	0,344	0,459	0,498
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,061	0,092	0,207	0,276	0,299
Máy bơm nước 2 kW	ca	0,037	0,046	0,108	0,205	0,223		
Máy khác	%	2	2	2	2	2		
				01	02	03	04	05

BD.25300 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 500 mm ĐẾN < 600 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.253	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 300 CV độ sâu khoan từ 50 đến ≤ 100 m đường kính lỗ khoan từ 500 đến <600mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D310+01D390 +01D490+01D590						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,071	0,071	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,141	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,148	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,178
		Cần khoan D 114 mm	m	0,034	0,042	0,066	0,069	0,077
		Đầu nối cần	bộ	0,008	0,010	0,014	0,015	0,019
		Sét bột Bentonít	kg	89,362	111,702	139,628	148,937	148,937
		Nước thi công	m³	4,231	5,289	6,611	7,052	7,052
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	1,47	1,84	3,01	5,13	6,99
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 300 cv	ca	0,149	0,223	0,502	0,525	0,556
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,090	0,134	0,302	0,315	0,334
		Máy bơm nước 2 kW	ca	0,054	0,067	0,182	0,253	0,268
		Máy khác	%	2	2	2	2	2
				01	02	03	04	05

BD.25400 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 600 mm ĐẾN < 700 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.254	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 300 CV độ sâu khoan từ 50 đến ≤ 100 m đường kính lỗ khoan từ 600 đến <700mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D310+01D390 +01D490+01D590 +01D690						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,073	0,073	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,139	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,149	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,176
		Cần khoan D 114 mm	m	0,038	0,047	0,069	0,073	0,093
		Đầu nối cần	bộ	0,009	0,011	0,016	0,017	0,146
		Sét bột Bentonít	kg	104,815	131,019	163,774	174,693	174,693
		Nước thi công	m ³	4,962	6,203	7,754	8,271	8,271
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	1,72	2,14	3,51	5,98	8,16
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 300 cv	ca	0,166	0,248	0,558	0,584	0,613
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,100	0,149	0,335	0,351	0,368
		Máy bơm nước 2 kW	ca	0,059	0,074	0,212	0,296	0,311
		Máy khác	%	2	2	2	2	2
				01	02	03	04	05

BD.26000 KHOAN GIẾNG BẰNG MÁY KHOAN XOAY TỰ HÀNH 300CV
ĐỘ SÂU KHOAN TỪ 100 m ĐẾN ≤ 150 m

BD.26100 ĐƯỜNG KÍNH LỖ KHOAN TỪ 300 mm ĐẾN < 400 mm

Đơn vị tính: 1m khoan

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đất	Cấp đá			
					IV	III	II	I
BD.261	Khoan giếng bằng máy khoan xoay tự hành 300 CV độ sâu khoan từ 100 đến ≤ 150m đường kính lỗ khoan từ 300 đến <400mm	<i>Vật liệu</i>						
		Bộ choòng gồm: 01D310+01D390						
		Bộ choòng nón xoay-loại M	bộ	0,019	0,019	-	-	-
		Bộ choòng nón xoay-loại C	bộ	-	-	0,048		-
		Bộ choòng nón xoay-loại T	bộ	-	-	-	0,068	-
		Bộ choòng nón xoay-loại K	bộ	-	-	-	-	0,097
		Cần khoan D 114 mm	m	0,014	0,017	0,033	0,044	0,049
		Đầu nối cần	bộ	0,003	0,004	0,008	0,011	0,012
		Sét bột Bentonít	kg	59,126	73,908	92,385	98,545	98,545
		Nước thi công	m ³	2,934	3,667	4,584	4,889	4,889
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,53	0,66	1,08	1,85	2,88
		<i>Máy thi công</i>						
		Máy khoan xoay 300 cv	ca	0,057	0,086	0,194	0,462	0,485
		Máy trộn dung dịch 750 lít	ca	0,035	0,052	0,117	0,279	0,293
		Máy bơm nước 2 kW	ca	0,021	0,026	0,069	0,165	0,193
		Máy khác	%	2	2	2	2	2
				01	02	03	04	05